

QUY ĐỊNH

Về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

*(Kèm theo Quyết định số/2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Hộ gia đình, cá nhân (bao gồm cả hộ gia đình, cá nhân người nước ngoài) sinh sống trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (sau đây gọi tắt hộ gia đình, cá nhân).

2. Cơ quan, tổ chức, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh có phát sinh chất thải từ hoạt động sinh hoạt, văn phòng với tổng khối lượng dưới 300 kg/ngày (sau đây gọi tắt là chủ nguồn thải) được lựa chọn hình thức quản lý chất thải rắn sinh hoạt như hộ gia đình, cá nhân theo quy định tại Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chất thải rắn sinh hoạt (còn gọi là rác thải sinh hoạt) là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.

2. Chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế là chất thải thu được từ quá trình phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình, cá nhân có thể được sử dụng lại hoặc chuyển đổi thành vật liệu, sản phẩm mới thay vì phải xử lý.

3. Chất thải rắn sinh hoạt nguy hại là chất thải rắn sinh hoạt chứa yếu tố độc hại, phóng xạ, lây nhiễm, dễ cháy, dễ nổ, gây ăn mòn, gây nhiễm độc hoặc có đặc tính nguy hại khác phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người.

4. Chất thải rắn công kênh là vật dụng gia đình được thải bỏ có kích thước lớn như tủ, giường, nệm, bàn, ghế hoặc các vật dụng tương tự khác hoặc gốc cây, thân cây, cành cây.

5. Cộng đồng dân cư là cộng đồng người sinh sống trên cùng địa bàn thôn, bản, xóm, tổ dân phố hoặc điểm dân cư tương tự.

6. Cơ sở tiếp nhận bao gồm: trạm trung chuyển; cơ sở tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; trạm phân loại chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế.

7. Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt là nơi chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt từ các loại phương tiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn thải, khu vực công cộng, quét dọn vệ sinh đường phố để chuyển chất thải rắn sinh hoạt sang phương tiện cơ giới có tải trọng lớn.

8. Điểm thu gom là nơi tập kết chất thải nguy hại, chất thải công kênh phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân theo quy định của chính quyền địa phương.

9. Lịch trình là thời gian, vị trí, tần suất, tuyến đường thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 4. Quy định chung về quản lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo hướng giảm thiểu phát sinh, tăng cường tái sử dụng, tái chế để khai thác giá trị tài nguyên của chất thải rắn sinh hoạt.

2. Quản lý chất thải rắn sinh hoạt là trách nhiệm và nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải và các đơn vị, tổ chức tham gia cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

3. Khuyến khích việc xã hội hóa công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn; áp dụng các công nghệ xử lý chất thải rắn thân thiện với môi trường; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chất thải rắn.

4. Hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải có trách nhiệm và nghĩa vụ phân loại tại nguồn phù hợp với mục đích quản lý, xử lý, chuyển chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại đến điểm tập kết theo quy định hoặc chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển và chi trả giá dịch vụ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và các quy định của pháp luật có liên quan.

5. Hạn chế sử dụng túi (bao bì) ni lông khó phân hủy để chứa chất thải rắn sinh hoạt sau phân loại, khuyến khích sử dụng túi thân thiện môi trường để thay thế túi ni lông khó phân hủy.

6. Ngoài việc thực hiện Quy định này, việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt phải tuân theo các quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các luật khác có liên quan.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn thành 05 nhóm sau:

a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế gồm: Giấy thải, nhựa thải,

kim loại thải, thủy tinh thải, vải, đồ da, đồ gỗ, cao su, thiết bị điện, điện tử thải bỏ, ...;

b) Chất thải thực phẩm gồm: Thức ăn thừa, thực phẩm hết hạn sử dụng; các loại rau, củ, quả, trái cây và các phần thải bỏ sau khi sơ chế, chế biến món ăn,...; các sản phẩm bỏ đi từ thịt gia súc, gia cầm; thủy, hải sản;

c) Chất thải công kênh gồm: Tủ, bàn ghế, sofa, giường, nệm, cũ hỏng,...; tủ sắt, khung cửa, cánh cửa,...; cảnh cây, gốc cây,...;

d) Chất thải nguy hại gồm: Bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật, axit thải, dung môi thải, kiềm thải, dầu mỡ công nghiệp, chất tẩy rửa có thành phần nguy hại, bình gas mini,... từ hoạt động sinh hoạt; sơn, mực, chất kết dính (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất); găng tay, giẻ lau dính dầu, hóa chất; kim tiêm, khẩu trang, bông băng bị nhiễm khuẩn từ người bệnh; các loại bóng đèn huỳnh quang thải; thủy tinh hoạt tính thải; nhiệt kế chứa thủy ngân thải; các loại pin, ắc quy thải....;

đ) Chất thải khác còn lại gồm: Vỏ các loại hạt (macca, óc chó, hạt điều, dừa, vỏ trứng, xơ dừa, rơm, trấu,...) từ hoạt động sinh hoạt; chiếu cói, chiếu tre, trúc, gồi mây, tre,...; lông gia súc, gia cầm,...; bã các loại (cà phê, trà, bã mía, xác mía, lõi ngô,...); chất thải từ làm vườn từ hộ gia đình (lá, rễ, cành cây nhỏ, cỏ, hoa,...); phân động vật cảnh; xác động vật cảnh chết không do dịch bệnh,...; tã, bỉm, băng, giấy vệ sinh, giấy ăn đã sử dụng; giấy ướt đã sử dụng; bông tẩy trang, khẩu trang,...; các loại hộp xốp; các loại sản phẩm nhựa sử dụng một lần; bã kẹo cao su, đầu lọc thuốc lá,...; bóng bay, băng keo dán, tăm bông tai, tăm chỉ răng; vỏ thuốc,...; giày, dép nhựa, thước kẻ, muôi (vá), thìa (muỗng) bằng nhựa; bút, bật lửa đã hết gas, bàn chải đánh răng, vỏ tuýp, hộp kem đánh răng,...; các loại nhựa thải khác; vỏ cứng các loài thủy, hải sản; xỉ than từ hoạt động sinh hoạt,...; gốm, sành, sứ thải...; các loại chất thải còn lại.

2. Chất thải rắn sinh hoạt sau khi phân loại thực hiện quản lý theo quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể:

a) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế sau khi phân loại được lưu chứa trong các bao bì thông thường, bảo đảm khả năng lưu chứa và không gây ô nhiễm môi trường. Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế đã được phân loại riêng thì không phải chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý.

b) Chất thải thực phẩm sau khi phân loại có thể được sử dụng làm thức ăn chăn nuôi, làm phân bón hữu cơ hoặc đựng trong bao bì màu xanh lá cây và chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

c) Chất thải nguy hại sau khi phân loại được đựng trong bao bì, thiết bị lưu chứa đảm bảo theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, tập kết tại điểm thu gom theo quy định của UBND xã, phường, đặc khu hoặc chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển. Chất thải nguy hại phát sinh đã được phân loại riêng thì không phải chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý.

d) Chất thải công kênh phải được thu gọn, giảm kích thước, thể tích, phân loại vào các nhóm chất thải tương ứng để chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển; hoặc tự thỏa thuận với cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt về dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn công kênh đến nơi tiếp nhận, xử lý. Trong thời gian cơ sở thu gom, vận chuyển chưa đến vận chuyển đi xử lý, không được tập kết chất thải công kênh ra vỉa hè, lòng đường, khu vực công cộng.

đ) Chất thải khác còn lại sau khi phân loại được chứa, đựng trong bao bì màu xám và chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 6. Điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo theo yêu cầu tại khoản 1 Điều 76 Luật Bảo vệ môi trường.

a) Điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

b) Trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 2 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; bố trí điểm thu gom để tập kết chất thải nguy hại, chất thải công kênh theo quy định.

c) Điểm tập kết, trạm trung chuyển không đáp ứng các quy định tương ứng tại điểm a, điểm b khoản này phải được xử lý ô nhiễm, cải tạo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

2. Chủ dự án đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị mới, chung cư, tòa nhà văn phòng phải bố trí điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt phù hợp trong quá trình thiết kế, xây dựng và vận hành để phục vụ nhu cầu thải bỏ chất thải rắn sinh hoạt của tất cả người dân sinh sống tại khu đô thị mới, chung cư, tòa nhà văn phòng đó.

3. Chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt có thể bố trí điểm tập kết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này hoặc có thể lưu chứa trong thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 7. Yêu cầu đối với bao bì, phương tiện thu gom, vận chuyển

1. Bao bì đựng các loại chất thải rắn sinh hoạt khác nhau có màu sắc khác nhau; bao bì màu xanh lá cây đựng chất thải thực phẩm, bao bì màu xám đựng chất thải rắn sinh hoạt khác còn lại quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 5 Quy định này hoặc chất thải rắn sinh hoạt không phân loại theo quy định; chất liệu sử dụng làm bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt phải bảo đảm nhìn thấy loại chất thải đựng bên trong (quy định này không áp dụng đối với chất thải công kênh, chất thải rắn sinh hoạt khác còn lại); yêu cầu kỹ thuật đối với bao bì đựng chất thải rắn sinh hoạt quy định tại khoản 2 Điều 30 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

2. Phương tiện thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt thông thường phải được thiết kế phù hợp đối với từng loại chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại, đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 27

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt (trừ phương tiện thu gom chất thải rắn sinh hoạt từ hộ gia đình, cá nhân đến điểm tập kết hoặc trạm trung chuyển) hoàn thành lắp đặt thiết bị định vị chậm nhất trước ngày 31/12/2027 bảo đảm công tác quản lý, giám sát của UBND xã, phường, đặc khu.

3. Phương tiện vận chuyển chất thải sinh hoạt nguy hại phải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật tại Điều 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 8. Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Hộ gia đình, cá nhân có trách nhiệm chuyển chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại đến điểm tập kết theo quy định hoặc chuyển giao cho cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

2. Tùy vào đặc điểm của mỗi khu vực dân cư, UBND xã, phường, đặc khu chủ trì, phối hợp với cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, cộng đồng dân cư, tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở để xác định lịch trình (gồm: thời gian, vị trí, tần suất, tuyến đường) thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với hiện trạng thực tế; công bố rộng rãi tới các hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải đảm bảo theo nguyên tắc sau:

a) Đối với những nơi thuận tiện cho xe cơ giới đi vào: Chất thải rắn sinh hoạt có thể được vận chuyển trực tiếp từ nơi phát sinh đến nơi xử lý.

b) Đối với những nơi không thuận tiện cho xe cơ giới đi vào: Chất thải rắn sinh hoạt phải vận chuyển đến điểm tập kết, trạm trung chuyển để vận chuyển về nơi xử lý.

c) Đối với chất thải thực phẩm: Tại khu vực đô thị, tần suất thu gom tối thiểu là 01 ngày/lần; tại khu vực nông thôn, tần suất thu gom tối thiểu 02 ngày/lần.

d) Đối với chất thải rắn công kênh: Thực hiện thu gom theo nhu cầu và sự thống nhất của chủ nguồn thải với cơ sở thu gom, vận chuyển; theo thời gian làm việc của trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt, khu xử lý chất thải rắn tập trung.

e) Đối với chất thải nguy hại: Tần suất thực hiện thu gom tối thiểu 01 lần/năm.

Điều 9. Xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Chất thải rắn sinh hoạt phải được xử lý bằng công nghệ phù hợp, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường; phù hợp với quy trình kỹ thuật quy định tại Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT ngày 19/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Khuyến khích phát triển các mô hình, các cơ sở thu gom, tái chế, tái sử dụng chất thải từ chất thải rắn sinh hoạt; ủ làm phân bón hoặc tận dụng làm thức ăn chăn nuôi đối với chất thải thực phẩm.

3. Không khuyến khích đầu tư cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng hình thức chôn lấp; có phạm vi phục vụ trên địa bàn một đơn vị hành chính xã, phường, đặc khu.

Điều 10. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt bao gồm giá dịch vụ áp dụng đối với tổ chức, cá nhân phát sinh chất thải rắn sinh hoạt và giá dịch vụ áp dụng đối với chủ đầu tư, cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt quy định tại Điều 29 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt thực hiện theo quy định tại Thông tư số 45/2024/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành phương pháp định giá chung đối với hàng hoá, dịch vụ do Nhà nước định giá.

Điều 11. Hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Khuyến khích hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh thực hiện thông qua ký kết hợp đồng dịch vụ.

2. Đối với hợp đồng cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

a) UBND xã, phường, đặc khu ký hợp đồng với cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt để cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt cho tất cả các hộ gia đình, cá nhân thuộc phạm vi quản lý, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này hoặc có thỏa thuận riêng về thu gom, vận chuyển chất thải công kênh.

b) Chủ nguồn thải trực tiếp ký hợp đồng cung ứng dịch vụ với cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

3. Đối với hợp đồng cung ứng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

a) UBND xã, phường, đặc khu thực hiện ký kết hợp đồng với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt để cung ứng dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho các hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải thuộc phạm vi quản lý theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

b) Chủ nguồn thải trực tiếp ký hợp đồng với cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

Điều 12. Ký quỹ bảo vệ môi trường cho hoạt động chôn lấp chất thải

1. Tổ chức, cá nhân có hoạt động chôn lấp chất thải phải thực hiện ký quỹ bảo vệ môi trường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 137 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Việc ký quỹ bảo vệ môi trường cho hoạt động chôn lấp chất thải thực hiện theo quy định tại Điều 76 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Điều 13. Đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động

Việc đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động thực hiện theo quy định tại Điều 32 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Chương III

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải

1. Hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải có trách nhiệm:

a) Giảm thiểu, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thu gom và chuyển rác thải sinh hoạt đã được phân loại đến đúng nơi quy định theo quy định tại Điều 5, Điều 8 của quy định này; Khuyến khích tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi.

b) Chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

c) Giám sát và phản ánh các vấn đề liên quan đến chất lượng cung ứng các dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; các vi phạm đối với Quy định này đến các cơ quan có thẩm quyền có liên quan theo quy định pháp luật.

4. Quyền của hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải:

a) Được cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt khi chi trả giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo quy định của pháp luật.

b) Được khen thưởng, tuyên dương khi tham gia thực hiện tốt phong trào, chương trình hoặc hiến kế, góp ý nhằm góp phần bảo vệ môi trường.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

1. Thực hiện các quy định tại Điều 61 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Thực hiện quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định tại Thông tư 35/2024/TT-BTNMT ngày 19/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và quy trình kỹ thuật được UBND tỉnh ban hành.

3. Đảm bảo phương tiện thu gom, vận chuyển theo quy định tại Điều 7 Quy định này.

4. Phối hợp xây dựng phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật về Giá và các quy định có liên quan của UBND tỉnh.

5. Đảm bảo tiếp nhận, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo đúng chủng loại, lịch trình được phân công; đảm bảo thu gom toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt tại vị trí thu gom theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư số 35/2024/TT-BTNMT; không tiếp nhận, vận chuyển chất thải vượt quá tải trọng hoặc thể tích chứa của phương tiện; che phủ kín đối với phương tiện trong trường hợp không có nắp đậy khi di chuyển; kịp thời khắc phục sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại và thông báo cho người có thẩm quyền theo quy định.

6. Được thanh toán đúng và đủ giá dịch vụ thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo hợp đồng đã ký kết.

Điều 16. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt

1. Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; thực hiện xử lý chất thải theo đúng quy định này và khoản 1 Điều 62 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Bố trí khu vực tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt có đủ diện tích cho phương tiện dừng chờ đổ chất thải và phù hợp với khả năng tiếp nhận, công suất xử lý của cơ sở; hạn chế tối đa phát tán ô nhiễm, mùi và xâm nhập của côn trùng; chuyển giao chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế sau phân loại cho tổ chức, cá nhân có chức năng thu gom, vận chuyển, sử dụng phế liệu làm nguyên liệu sản xuất hoặc tự xử lý theo quy định; vận hành cơ sở tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt không vượt quá công suất thiết kế; bảo đảm xử lý hết lượng chất thải rắn sinh hoạt tiếp nhận theo hợp đồng đã ký kết; chất thải phát sinh phải được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường hoặc chuyển giao xử lý theo quy định.

3. Xây dựng quy trình kỹ thuật, định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định, trình UBND tỉnh định giá theo quy định của pháp luật về Giá và các quy định có liên quan.

4. Cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thanh toán đúng và đủ giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo hợp đồng đã ký kết.

Điều 17. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

b) Hướng dẫn các địa phương trong công tác lập, phê duyệt dự toán dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, trong đó bao gồm cả công tác quét, gom rác đường phố; chủ trì tổ chức thẩm định Phương án giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, trình Ủy ban nhân dân tỉnh định giá theo quy định của Luật Giá, Quyết định số 65/2024/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định một số nội dung

quản lý nhà nước về giá trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh theo nguyên tắc tại Điều 79 Luật Bảo vệ môi trường, Khoản 6 Điều 58 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ; tham mưu UBND tỉnh ban hành quy định kỹ thuật đối với bao bì, thiết bị lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt sau khi được phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý, tái chế theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đối với UBND xã, phường, đặc khu, các cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt nhằm nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ, đảm bảo quá trình cung ứng dịch vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

d) Chủ trì hướng dẫn việc cải tạo, phục hồi môi trường và quy trình đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động.

2. Sở Xây dựng

a) Hướng dẫn thủ tục quy hoạch, đầu tư xây dựng khu xử lý, điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

b) Tổ chức thẩm định quy hoạch xây dựng, thiết kế xây dựng, cấp giấy phép xây dựng công trình, dự án khu xử lý, điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo thẩm quyền.

c) Phối hợp với Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thống nhất các cung đường vận chuyển chính về các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt cho các phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

3. Sở Tài chính

a) Hàng năm căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách nhà nước hiện hành và dự toán do UBND các xã, phường, đặc khu đề nghị, Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí, phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường hằng năm cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh theo phân cấp ngân sách hiện hành.

b) Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán và quyết toán kinh phí được giao đảm bảo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục các dự án xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh cần kêu gọi đầu tư; tham mưu ưu tiên cân đối, bố trí vốn đầu tư cho các dự án xử lý chất thải rắn theo quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và dài hạn. Tổng hợp kế hoạch vốn đầu tư phát triển cho công tác liên quan đến chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

d) Hướng dẫn thực hiện thủ tục đầu tư đối với các dự án xử lý chất thải rắn

sinh hoạt theo phương thức xã hội hóa và các hình thức đầu tư khác; ưu tiên thu hút các dự án đầu tư có công nghệ hiện đại, quy mô lớn, có kết hợp thu hồi năng lượng từ chất thải, không thu hút các dự án xử lý sử dụng công nghệ chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trực tiếp.

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, Cục thuế tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chính sách ưu đãi, hỗ trợ hoạt động quản lý chất thải rắn theo quy định tại Điều 132 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định sự phù hợp của công nghệ đối với các dự án đầu tư xử lý chất thải rắn sinh hoạt; nghiên cứu, xác nhận chuyển giao ứng dụng công nghệ mới trong việc thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Lồng ghép vào chương trình dạy học các nội dung, kiến thức về bảo vệ môi trường nhằm tuyên truyền, giáo dục học sinh ý thức thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ môi trường tại gia đình, trường học và nơi công cộng.

6. Công an tỉnh

a) Chỉ đạo các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và công an xã, phường, đặc khu tăng cường công tác phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan đến tội phạm về môi trường; kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của pháp luật.

b) Thực hiện trách nhiệm bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội trong lĩnh vực môi trường; tăng cường kiểm tra, kiểm soát phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt đảm bảo đúng tải trọng theo quy định của pháp luật.

7. Các sở, ban, ngành: Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của ngành, lĩnh vực quản lý tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, triển khai thực hiện Quy định này.

8. Trung tâm Truyền thông tỉnh

a) Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của cộng đồng về các quy định về bảo vệ môi trường nói chung, công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt nói riêng.

b) Xây dựng phóng sự, ghi hình, đưa tin về các hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh; kịp thời đưa tin các địa phương làm tốt công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt; gương người tốt, việc tốt trong công tác quản lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định này.

9. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ninh, các tổ chức chính trị - xã hội có trách nhiệm tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, hộ gia

đình, cá nhân thực hiện quy định phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; Phát huy vai trò giám sát trong thực hiện Quy định này; Vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực đấu tranh, tố giác hành vi vi phạm, kịp thời kiến nghị các cơ quan chức năng xử lý theo quy định.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu

1. Thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 7 Điều 77, khoản 2 Điều 78 và khoản 2, khoản 3 Điều 168 Luật Bảo vệ môi trường; khoản 2, khoản 3 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; điểm đ khoản 1, điểm h khoản 2 Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Tổ chức, quản lý, chịu trách nhiệm về công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; phối hợp quản lý, tổ chức thực hiện trong công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt liên xã, liên vùng theo chỉ đạo, hướng dẫn của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; tổ chức triển khai hoạt động phân loại chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; hướng dẫn, tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện nghiêm Quy định này và các quy định hiện hành của pháp luật về chất thải rắn sinh hoạt.

3. Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, lựa chọn hình thức phù hợp phân loại, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn; hàng năm xây dựng đề án/kế hoạch tổ chức công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn.

4. Đầu tư xây dựng, nâng cấp và tổ chức vận hành các mô hình thu gom, xử lý chất thải rắn do Nhà nước đầu tư từ nguồn kinh phí đầu tư xây dựng, nguồn chi sự nghiệp môi trường và khoản đóng góp của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 56 Luật Bảo vệ môi trường; xác định, công bố danh mục vị trí các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt, cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; đầu tư, nâng cấp hệ thống thu gom chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng, công bố công khai lịch trình, gồm: thời gian, vị trí, tần suất, tuyến đường thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn phù hợp tình hình thực tế, đảm bảo tối ưu về cự ly vận chuyển và tình hình giao thông tại khu vực; chỉ đạo sắp xếp thời gian hoạt động của các điểm tập kết, trạm trung chuyển và các cơ sở thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt của tổ chức, cá nhân, hộ gia đình đảm bảo công tác vệ sinh môi trường.

5. Khoanh vùng xử lý, cải tạo, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường tại các bãi rác tạm, các điểm ô nhiễm môi trường do chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

6. Xây dựng, thẩm định và phê duyệt dự toán, quyết toán công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; tổng hợp dự toán gửi cơ quan tài chính cùng cấp và các cơ quan có liên quan theo quy định của Luật ngân sách nhà nước và quy định tại Điều 22, Điều 23 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn

kinh phí chi thường xuyên; ký hợp đồng cung ứng dịch vụ công về công tác thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định; nghiệm thu và thanh toán khối lượng công việc theo đúng quy định hiện hành; bố trí kinh phí thực hiện hỗ trợ các hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định về phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.

Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương để ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn được hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách nhà nước sau khi đã trừ đi giá dịch vụ theo quy định.

7. Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm chuyên dụng, camera trong giám sát, quản lý chặt chẽ hoạt động phân loại thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại địa phương.

8. Phổ biến rộng rãi về thời gian và phương thức chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; phối hợp với cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt cách thức xác định, thống kê khối lượng chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn, phổ biến đến người dân, để làm cơ sở tính toán chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải; hướng dẫn chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân, chủ nguồn thải cho cơ sở thu gom, vận chuyển hoặc đến điểm tập kết đúng quy định; hướng dẫn cộng đồng dân cư giám sát và công khai trường hợp không tuân thủ quy định về phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực Bảo vệ môi trường đối với các vi phạm theo thẩm quyền;

9. Chỉ đạo các tổ dân phố, thôn, xóm, bản tham gia giữ gìn vệ sinh đường giao thông, nơi công cộng, thực hiện quy chế quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân và đăng ký thực hiện quy ước, cam kết giữ gìn vệ sinh môi trường; kiểm tra, xử lý việc tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong việc phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn; đôn đốc việc thu nộp giá dịch vụ theo mức giá được quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện Quy định này được bố trí từ ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp xã, phường, đặc khu) theo phân cấp hiện hành hoặc huy động từ các nguồn xã hội hóa, nguồn vốn ODA, các nguồn vốn hợp pháp khác (từ các chương trình, dự án, tài trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân,...).

2. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu chủ động cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các nhiệm vụ được giao đạt hiệu quả.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu xây dựng quy trình kiểm tra, giám sát và nghiệm thu, thanh toán các công tác liên quan đến quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn theo Quy định này.

Điều 20. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các chủ nguồn thải đã thực hiện ký kết hợp đồng với các cơ sở cung ứng dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, trong đó có nội dung chưa đúng với Quy định này thì phải thực hiện điều chỉnh, bổ sung hoặc ký kết lại hợp đồng cung ứng dịch vụ theo đúng Quy định này kể từ ngày Quy định này có hiệu lực thi hành.

2. Chủ dự án đầu tư, chủ sở hữu, ban quản lý khu đô thị mới, chung cư, tòa nhà văn phòng đã xây dựng và vận hành trước ngày 01/01/2022 phải hoàn thành việc xây dựng bổ sung điểm tập kết chất thải rắn sinh hoạt trước ngày 01/01/2027 để phục vụ nhu cầu thải bỏ chất thải rắn sinh hoạt của tất cả người dân sinh sống tại khu đô thị mới, chung cư, tòa nhà văn phòng đó.

Điều 21. Điều khoản thi hành

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, phường, đặc khu triển khai thực hiện Quy định này. Định kỳ hàng năm (trước ngày 05 tháng 02 của năm sau) tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả thực hiện trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định.

2. Các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu tổ chức triển khai thực hiện Quy định này và chịu trách nhiệm giám sát, kiểm tra việc thực hiện. Định kỳ hàng năm (trước ngày 20 tháng 01) báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Môi trường) kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Quy định này trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ theo quy định hoặc báo cáo đột xuất khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.